**BÀI 2: ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM - NGƯỜI TỔ CHỨC, LÃNH ĐẠO MỌI THẮNG LỢI CỦA CÁCH MẠNG VIỆT NAM**

I. ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM RA ĐỜI, CHẤM DỨT SỰ KHỦNG HOẢNG VỀ ĐƯỜNG LỐI GIẢI PHÓNG DÂN TỘC, MỞ RA SỰ PHÁT TRIỂN MỚI CỦA CÁCH MẠNG VÀ DÂN TỘC VIỆT NAM

**1.1. Sự khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc Việt Nam**

Từ nửa sau thế kỷ XIX, chủ nghĩa tư bản chuyển từ giai đoạn tự do cạnh tranh phát triển sang giai đoạn chủ nghĩa đế quốc, đẩy mạnh xâm chiếm các nước thuộc địa. Hệ thống thuộc địa của chủ nghĩa thực dân ra đời. Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa với chủ nghĩa đế quốc ngày càng gay gắt.

Trước tình hình đó, phong trào đấu tranh đòi độc lập dân tộc ở các nước thuộc địa phát triển mạnh mẽ, tác động sâu sắc đến Việt Nam. Đặc biệt, thắng lợi của cuộc cách mạng tháng Mười Nga (năm 1917) và sự ra đời của Quốc tế Cộng sản (Quốc tế III năm 1919) làm biến đổi sâu sắc tình hình thế giới, mở đầu thời đại mới - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Đối với Việt Nam, ngày 01-9-1858, thực dân Pháp nổ súng xâm lược nước ta. Năm 1884, triều đình nhà Nguyễn ký với Chính phủ Pháp bản Hiệp ước Pa-tơ-nốt thừa nhận sự thống trị của thực dân Pháp trên toàn lãnh thổ Việt Nam. Thực dân Pháp xác lập chế độ cai trị và khai thác thuộc địa ở Việt Nam trên tất cả các lĩnh vực:

Về chính trị: thực dân Pháp thực thi chính sách “chia để trị”.

Về kinh tế: thực dân Pháp tiến hành cuộc khai thác thuộc địa lần thứ nhất (1897-1914), lần thứ hai (1919-1929).

Về văn hoá: thi hành triệt để chính sách văn hoá nô dịch, ngăn chặn mọi ảnh hưởng của nền văn hoá tiến bộ trên thế giới vào Việt Nam.

Dưới tác động của chính sách khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, xã hội Việt Nam đã có những biến chuyển sâu sắc:

Về tính chất xã hội: từ xã hội phong kiến thành xã hội thuộc địa nửa phong kiến.

Về mâu thuẫn cơ bản trong xã hội: nổi lên hai mâu thuẫn cơ bản: mâu thuẫn giữa toàn thể dân tộc Việt Nam với thực dân Pháp và tay sai; mâu thuẫn giữa giai cấp nông dân với giai cấp địa chủ phong kiến.

Về cơ cấu giai cấp trong xã hội: giai cấp cũ bị phân hoá (địa chủ phong kiến và nông dân); đồng thời, xuất hiện những giai cấp và tầng lớp mới (công nhân, tư sản và tiểu tư sản).

Thực tiễn lịch sử Việt Nam đặt ra những yêu cầu cơ bản cần phải giải quyết, đó là: đánh đuổi thực dân Pháp, giành độc lập dân tộc, tự do cho Nhân dân và xoá bỏ chế độ phong kiến, giành quyền dân chủ cho Nhân dân. Trong đó, chống đế quốc, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ trước mắt và nổi lên hàng đầu.

Trước yêu cầu của lịch sử, phong trào đấu tranh chống Pháp đã diễn ra mạnh mẽ:

- Phong trào Cần Vương (1885  - 1896): điển hình là các cuộc khởi nghĩa Ba Đình (Thanh Hoá), Bãi Sậy (Hưng Yên), Hương Khê (Hà Tĩnh)…, với những sĩ phu phong kiến yêu nước như:  Phan Đình Phùng, Tống Duy Tân, Nguyễn Thiện Thuật, Đinh Công Tráng...

- Khởi nghĩa nông dân Yên Thế (Bắc Giang) dưới sự lãnh đạo của thủ lĩnh nông dân Hoàng Hoa Thám, là cuộc đấu tranh anh dũng của nông dân Việt Nam kéo dài gần 30 năm (1884 - 1913).

- Phong trào yêu nước theo khuynh hướng dân chủ tư sản với xu hướng bạo động của Phan Bội Châu và xu hướng cải cách của Phan Chu Trinh.

Phan Bội Châu chủ trương bạo động để giành độc lập dân tộc nhưng dựa vào sự giúp đỡ bên ngoài (dựa vào Nhật để đánh Pháp), thiết lập một nhà nước theo mô hình quân chủ lập hiến như của Nhật (1905) và sau đó theo chế độ cộng hoà tư sản như ở Trung Quốc (1912).

Phan Chu Trinh chủ trương bất bạo động, tiến hành cải cách văn hóa, mở mang dân trí, làm cho dân giàu, nước mạnh, nhưng lại dựa vào nhà nước “bảo hộ Pháp”.

+ Phong trào Quốc gia cải lương của bộ phận tư sản và địa chủ lớp trên (1919 - 1923).

+ Phong trào Yêu nước dân chủ công khai của tiểu tư sản thành thị và tư sản lớp dưới (1925 - 1926).

+ Phong trào Cách mạng quốc gia tư sản của Việt Nam Quốc dân Đảng do Nguyễn Thái Học đứng đầu (1927 - 1930) và cuộc khởi nghĩa Yên Bái (tháng 02-1930).

Như vậy, vào những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, tiếp tục truyền thống yêu nước, bất khuất kiên cường chống ngoại xâm, các phong trào chống thực dân Pháp theo ý thức hệ phong kiến, tư sản của Nhân dân ta diễn ra rất sôi nổi và liên tục, nhưng tất cả đều không thành công. Sự thất bại đó do nguyên nhân các giai cấp lãnh đạo đã lạc hậu, non yếu; không nhận thức đúng yêu cầu khách quan của lịch sử gắn giải phóng dân tộc với giải phóng giai cấp, giải phóng con người; không tập hợp và tổ chức được đông đảo các giai tầng yêu nước; những hạn chế trong phương pháp đấu tranh… Việt Nam lâm vào khủng hoảng bế tắc về đường lối cứu nước, nhiệm vụ lịch sử đặt ra cho các thế hệ yêu nước đương thời là cần phải có một tổ chức cách mạng tiên phong, có đường lối cứu nước đúng đắn để giải phóng dân tộc.

1.2. Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam

Trong hoàn cảnh Việt Nam đang rơi vào khủng hoảng về đường lối giải phóng dân tộc, với nhiệt huyết cứu nước, với thiên tài trí tuệ, nhãn quan chính trị sắc bén và được kế thừa các giá trị truyền thống của dân tộc Việt Nam, ngày 05-6-1911, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành ra đi tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc.

Nguyễn Tất Thành sang Pháp, Mỹ, Anh và nhiều nước thuộc địa của đế quốc, thực dân. Trải qua nhiều nghề lao động khác nhau, Người đã rút ra một kết luận quan trọng: ở đâu bọn đế quốc thực dân cũng tàn bạo độc ác, ở đâu người lao động cũng bị bóc lột dã man.

Đầu năm 1919, Nguyễn Ái Quốc tham gia Đảng Xã hội Pháp, một chính đảng tiến bộ ở Pháp lúc đó. Tháng 6-1919, các nước thắng trận họp Hội nghị Hoà bình ở Vécxây (Pháp), Nguyễn Ái Quốc thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước ở Pháp gửi tới hội nghị bản yêu sách tám điểm[[1]](file:///D:\\CLOUD\\gdrive\\BAN%20TUY%C3%8AN%20GI%C3%81O\\H%E1%BB%8CC%20L%C3%9D%20L%C3%9D%20LU%E1%BA%ACN%20CH%C3%8DNH%20TR%E1%BB%8A\\B%E1%BA%A2N%20CU%E1%BB%90I\\3.%20Sach%20cac%20BH%20LL%20CH%C3%8DNH%20TR%E1%BB%8A%20CHO%20%C4%90V%20(A%20L%C6%B0%C6%A1ng%20duyet,%20chuyen%20nha%20in%2012.3).doc" \l "_ftn1" \o "). Những yêu sách của Người không được Hội nghị đáp ứng. Sự kiện này đã giúp Nguyễn Ái Quốc hiểu rõ: “Chủ nghĩa Uynxơn chỉ là một trò bịp bợm lớn”. Tháng 7-1920, Nguyễn Ái Quốc được đọc bản Sơ thảo lần thứ nhất những luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa của V.I.Lênin đăng trên báo L'Humanite (Nhân đạo), số ra ngày 16 và 17-7-1920. Những luận điểm cách mạng của Lênin về vấn đề dân tộc và thuộc địa đã giải đáp những vấn đề cơ bản và chỉ dẫn hướng phát triển của sự nghiệp cứu nước, giải phóng dân tộc mà sau gần mười năm tìm kiếm (1911 - 1920) Nguyễn Ái Quốc mới bắt gặp.

Tại Đại hội lần thứ XVIII Đảng Xã hội Pháp (tháng 12 - 1920), Nguyễn Ái Quốc đã bỏ phiếu tán thành việc gia nhập Quốc tế thứ ba (Quốc tế Cộng sản do Lênin thành lập). Đây cũng là sự kiện Nguyễn Ái Quốc trở thành một trong những sáng lập viên của Đảng Cộng sản Pháp và là người cộng sản đầu tiên của Việt Nam, đánh dấu bước chuyển biến quyết định trong tư tưởng và lập trường chính trị của Nguyễn Ái Quốc, từ lập trường yêu nước chuyển sang lập trường cộng sản.

Từ đây, Người tiếp tục học tập để bổ sung hoàn thiện tư tưởng cứu nước, đồng thời tích cực truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin về Việt Nam nhằm chuẩn bị các tiền đề về tư tưởng, chính trị và tổ chức, cán bộ cho sự ra đời chính đảng tiên phong ở Việt Nam.

Về tư tưởng: Người tích cực tố cáo, lên án bản chất bóc lột của chủ nghĩa thực dân đối với Nhân dân các nước thuộc địa và kêu gọi, thức tỉnh Nhân dân bị áp bức đấu tranh giải phóng.

Về chính trị: thông qua những tác phẩm lý luận tiêu biểu, Nguyễn Ái Quốc khẳng định con đường cách mạng của các dân tộc bị áp bức “chỉ có giải phóng giai cấp vô sản thì mới giải phóng được dân tộc; cả hai cuộc giải phóng này chỉ có thể là sự nghiệp của chủ nghĩa cộng sản và của cách mạng thế giới”. Mặt khác, cách mạng giải phóng dân tộc có thể thành công trước cách mạng chính quốc, góp phần thúc đẩy cách mạng chính quốc. Cách mạng muốn giành được thắng lợi thì “trước hết phải có Đảng cách mệnh”.

Về tổ chức: tháng 6-1925, Hội Việt Nam cách mạng thanh niên được thành lập tại Quảng Châu (Trung Quốc), từ đó đã có tác dụng thúc đẩy phong trào yêu nước Việt Nam theo khuynh hướng cách mạng vô sản, nâng cao ý thức giác ngộ và lập trường cách mạng của giai cấp công nhân. Tháng 3-1929, tại số nhà 5D, phố Hàm Long, Hà Nội, Chi bộ Cộng sản đầu tiên ở Việt Nam ra đời. Tiếp đó, các tổ chức cộng sản liên tiếp được thành lập: Đông Dương Cộng sản Đảng tại Bắc Kỳ (tháng 6-1929), An Nam Cộng sản Đảng tại Nam Kỳ (tháng 11-1929) và Đông Dương Cộng sản liên đoàn tại Trung Kỳ (tháng 01-1930).

Sự ra đời của các tổ chức cộng sản phản ánh sự phát triển nhảy vọt của phong trào cách mạng Việt Nam. Tuy nhiên, sự tồn tại của ba tổ chức cộng sản hoạt động biệt lập trong một quốc gia là nguy cơ dẫn đến chia rẽ trong phong trào cách mạng. Yêu cầu bức thiết lúc đó là thống nhất các tổ chức cộng sản thành một đảng cộng sản duy nhất để lãnh đạo phong trào cách mạng của giai cấp công nhân và Nhân dân Việt Nam.

Với sự nhạy bén về chính trị, lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc đã triệu tập Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản, thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam.

Từ ngày 06-01 đến ngày 07-02-1930, Hội nghị hợp nhất ba tổ chức cộng sản họp tại bán đảo Cửu Long (Hương Cảng, Trung Quốc) dưới sự chỉ trì của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc. Hội nghị nhất trí thành lập một đảng thống nhất, lấy tên là Đảng Cộng sản Việt Nam. Đồng thời, Hội nghị thông qua Chánh cương vắn tắt của Đảng, Sách lược vắn tắt của Đảng, Chương trình tóm tắt của Đảng, Điều lệ vắn tắt của Đảng Cộng sản Việt Nam, Điều lệ tóm tắt của các hội quần chúng. Trong đó, nội dung của Chánh cương vắn tắt và Sách lược vắn tắt thể hiện rõ đường lối của cách mạng Việt Nam, với chủ trương “làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản”.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã phản ánh sự kết hợp giữa đấu tranh giai cấp và đấu tranh dân tộc ở nước ta trong những năm đầu thế kỷ XX; đồng thời, là sản phẩm của sự kết hợp giữa Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh với phong trào công nhân và phong trào yêu nước Việt Nam. Đó là một mốc lớn, bước ngoặt trọng đại trong lịch sử cách mạng Việt Nam, chấm dứt cuộc khủng hoảng về đường lối cứu nước. Sự thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam với Cương lĩnh, đường lối cách mạng đúng đắn chứng tỏ giai cấp công nhân Việt Nam đã trưởng thành, đủ sức lãnh đạo cách mạng.

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam gắn liền với tên tuổi của Lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, người sáng lập, lãnh đạo và rèn luyện Đảng ta.

II. **QUÁ TRÌNH LÃNH ĐẠO CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM TỪ NĂM 1930 ĐẾN NAY**

**2.1. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền và bảo vệ nền độc lập, tự do của dân tộc**

**2.1.1. Đảng lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền và Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945**

Với đường lối cách mạng đúng đắn, Đảng đã quy tụ đoàn kết xung quanh mình tất cả các giai cấp và tầng lớp yêu nước không phân biệt dân tộc, tôn giáo xây dựng nên lực lượng cách mạng to lớn và rộng khắp trong cả nước, đấu tranh chống thực dân Pháp xâm lược và bọn phong kiến tay sai.

Qua 15 năm (1930 - 1945) lãnh đạo cách mạng, trải qua đấu tranh gian khổ, mặc dù gặp phải những tổn thất hy sinh to lớn nhưng Đảng vẫn giữ vững ý chí chiến đấu, kiên định cách mạng, trung thành với mục tiêu tư tưởng của mình. Đảng đã lãnh đạo Nhân dân tiến hành ba cao trào cách mạng, đó là:

- Cao trào cách mạng (1930 - 1931) với đỉnh cao Xô viết - Nghệ Tĩnh.

- Cao trào cách mạng dân sinh, dân chủ (1936 - 1939).

- Cao trào cách mạng giải phóng dân tộc (1939 - 1945) với đỉnh cao Cách mạng tháng Tám năm 1945.

 Trên cơ sở nắm bắt tình hình trong nước và quốc tế, Đảng đã dự báo đúng thời cơ lịch sử và chuẩn bị mọi điều kiện cần thiết để lãnh đạo Nhân dân tiến hành khởi nghĩa. Với nghệ thuật lãnh đạo và tổ chức khởi nghĩa tài tình, Đảng đã lãnh đạo cuộc Tổng khởi nghĩa Cách mạng tháng Tám năm 1945 thành công trọn vẹn. Chỉ trong một thời gian ngắn (từ ngày 14 đến ngày 28-8-1945), Nhân dân Việt Nam đã vùng lên đập tan xiềng xích nô lệ của chế độ thực dân, lật nhào chế độ phong kiến tay sai, giành chính quyền về tay nhân dân.

Ngày 02-9-1945, thay mặt Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn độc lập khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, đưa dân tộc ta bước sang một kỷ nguyên mới - kỷ nguyên độc lập, tự do, tiến lên chủ nghĩa xã hội. Đánh giá ý nghĩa lịch sử của thắng lợi này, Chủ tịch Hồ Chí Minh viết: “Chẳng những giai cấp lao động và Nhân dân Việt Nam ta có thể tự hào mà giai cấp lao động và những dân tộc bị áp bức nơi khác cũng có thể tự hào rằng: lần này là lần đầu tiên trong lịch sử cách mạng của các dân tộc thuộc địa và nửa thuộc địa, một Đảng mới 15 tuổi đã lãnh đạo cách mạng thành công, đã nắm chính quyền toàn quốc”.

**2.1.2. Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh bảo vệ chính quyền cách mạng (1945 - 1946)**

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa phải đối mặt những khó khăn, thách thức nghiêm trọng: nền kinh tế kiệt quệ, ngân sách quốc gia trống rỗng, nạn đói tiếp tục đe dọa; hơn 90% dân số mù chữ, các tệ nạn xã hội do chế độ cũ để lại nặng nề; trong khi đó, ngoại xâm và nội phản câu kết với nhau để cùng chống phá chính quyền cách mạng non trẻ. Vận mệnh của Tổ quốc như “ngàn cân treo sợi tóc”.

Trước yêu cầu mới của lịch sử, Đảng và Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kịp thời đề ra những chủ trương, quyết sách đúng đắn, toàn diện trên tất cả các mặt chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh, quốc phòng... Cụ thể là:

- Lãnh đạo xây dựng chế độ dân chủ nhân dân: tiến hành bầu cử Quốc hội khoá I (06-01-1946), thành lập Chính phủ chính thức (02- 3-1946) và thông qua Hiến pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (09-11-1946).

- Phát động phong trào chống “giặc đói”, “giặc dốt”, xây dựng nền văn hoá mới, xoá bỏ tàn dư văn hoá nô dịch của thực dân.

- Lãnh đạo Nhân dân Nam Bộ tiến hành kháng chiến chống thực dân Pháp ngay từ thời điểm thực dân Pháp nổ súng xâm lược Việt Nam lần thứ hai (23-9-1945).

- Tiến hành đấu tranh trên mặt trận ngoại giao: trên cơ sở phân tích âm mưu, thủ đoạn của các kẻ thù đối với cách mạng Việt Nam, Đảng đã thực hiện sách lược lợi dụng mâu thuẫn trong nội bộ kẻ thù để phân hoá chúng, tránh tình thế cùng một lúc đương đầu với nhiều kẻ thù. Đó là:

+ Thực hiện sách lược nhân nhượng, hòa hoãn với quân đội Trung Hoa Dân quốc và tay sai của chúng ở miền Bắc để tập trung kháng chiến chống Pháp ở Nam Bộ (từ tháng 09-1945 đến tháng 03-1946).

+ Thực hiện sách lược hòa hoãn, nhân nhượng với Pháp để đẩy nhanh quân đội Trung Hoa Dân quốc về nước, chuẩn bị kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược (từ tháng 3-1946 đến tháng 12-1946).

Với đường lối đúng đắn, sáng suốt, vừa cứng rắn về nguyên tắc, vừa mềm dẻo về sách lược, Đảng đã huy động được sức mạnh đoàn kết toàn dân tộc vượt qua muôn vàn khó khăn, nguy hiểm, củng cố giữ vững chính quyền cách mạng, chuẩn bị mọi mặt cho cuộc kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp.

2.1.3. Đảng lãnh đạo toàn quốc kháng chiến chống thực dân Pháp (1946 - 1954).

Bất chấp nguyện vọng yêu chuộng hòa bình của Nhân dân ta, mặc dù chúng ta đã nhân nhượng, chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới, vì chúng muốn cướp nước ta một lần nữa. Ngày 19-12-1946, Ban Thường vụ Trung ương công bố Chỉ thị Toàn dân kháng chiến và cùng ngày, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến. Thực hiện chủ trương kháng chiến của Đảng và đáp lời kêu gọi của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Nhân dân cả nước đã nhất tề đứng lên với quyết tâm: “thà hy sinh tất cả chứ nhất định không chịu mất nước, nhất định không chịu làm nô lệ”.

Với đường lối kháng chiến toàn dân, toàn diện, đánh lâu dài, dựa vào sức mình là chính, vừa kháng chiến vừa kiến quốc, Đảng ta đã tổ chức, lãnh đạo Nhân dân vượt qua mọi khó khăn, giành thắng lợi vĩ đại trong cuộc kháng chiến 09 năm chống thực dân Pháp xâm lược.

Chiến thắng Điện Biên Phủ (từ ngày 13-3-1954 đến ngày 07-5-1954) đã đi vào lịch sử dân tộc ta như một Bạch Đằng, một Chi Lăng hay một Đống Đa của thế kỷ XX, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công chói lọi, đột phá thành trì của đế quốc, báo hiệu sự sụp đổ hoàn toàn không tránh khỏi của chủ nghĩa thực dân cũ. Đánh giá ý nghĩa lịch sử của thắng lợi này, Hồ Chủ tịch viết: “Lần đầu tiên trong lịch sử, một nước thuộc địa nhỏ yếu đã thắng một nước thực dân hùng mạnh. Đó là thắng lợi vẻ vang của nhân dân Việt Nam, đồng thời cũng là thắng lợi của các lượng hòa bình, dân chủ và chủ nghĩa xã hội thế giới”...

Thắng lợi đó đã làm sáng tỏ một chân lý: trong điều kiện thế giới ngày nay, một dân tộc dù nhỏ yếu nhưng một khi đoàn kết đứng lên, kiên quyết đấu tranh dưới sự lãnh đạo của chính Đảng Mác - Lênin để giành độc lập và dân chủ thì có đầy đủ lực lượng để chiến thắng mọi kẻ thù xâm lược.

**2.1.4. Đảng lãnh đạo Nhân dân xây dựng chủ nghĩa xã hội và kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược (1954 - 1975)**

Với thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, cách mạng Việt Nam bước vào thời kỳ mới với đặc điểm: đất nước tạm thời chia cắt làm hai miền với hai chế độ chính trị - xã hội đối lập nhau. Miền Bắc đã có hoà bình, dưới sự lãnh đạo của Đảng đang bắt đầu xây dựng một xã hội mới. Miền Nam vẫn còn dưới ách đô hộ, áp bức của chủ nghĩa đế quốc. Con đường phát triển của cách mạng nước ta lúc này được Đảng ta xác định là phải tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược:  
  
Một là, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc, xây dựng miền Bắc thành căn cứ địa vững chắc của cả nước.

Hai là, tiến hành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở miền Nam, chống đế quốc Mỹ xâm lược và tay sai, giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

Như vậy, đặc điểm lớn nhất, nét độc đáo của cách mạng Việt Nam thời kỳ này là một Đảng thống nhất lãnh đạo Nhân dân cả nước tiến hành đồng thời hai nhiệm vụ chiến lược. Tuy mỗi miền thực hiện một nhiệm vụ chiến lược khác nhau nhưng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trong đó cách mạng miền Bắc giữ vai trò quyết định nhất đối với toàn bộ sự phát triển của cách mạng Việt Nam. Cách mạng miền Nam giữ vị trí quan trọng, tác động trực tiếp đối với sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

Hơn 20 năm cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, mặc dù gặp nhiều khó khăn, thách thức, đặc biệt từ năm 1965 trở đi miền Bắc phải trực tiếp đương đầu với cuộc chiến tranh phá hoại rất ác liệt của đế quốc Mỹ, nhưng dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân miền Bắc đã kiên cường trong sản xuất và chiến đấu, giành được những thành tựu to lớn, đồng thời chi viện đắc lực cho miền Nam... Hàng triệu tấn lương thực và vũ khí, trang bị; hàng vạn thanh niên nam nữ hăng hái lên đường vào miền Nam chiến đấu. Miền Bắc đã dốc sức vào chiến tranh cứu nước và giữ nước với toàn bộ sức mạnh của chế độ xã hội chủ nghĩa, đã làm tròn một cách xuất sắc nghĩa vụ căn cứ địa của cách mạng cả nước, xứng đáng là pháo đài vô địch của chủ nghĩa xã hội.

Đế quốc Mỹ đã dùng mọi thủ đoạn, thử nghiệm mọi chiến lược chiến tranh, sử dụng các loại vũ khí và phương tiện chiến tranh hiện đại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam. Quy mô, tính chất cũng như mức độ ác liệt của cuộc chiến tranh mà Nhân dân ta phải đương đầu chịu đựng chưa từng có trong lịch sử.  
Song, Nhân dân miền Nam nói riêng và Nhân dân Việt Nam nói chung đã kiên cường vượt qua gian khổ hy sinh, kiên quyết đánh thắng các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ:

- Chiến lược Chiến tranh điển hình của chủ nghĩa thực dân mới (1954 - 1960).

- Chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” (1961 - 1965).

- Chiến lược “Chiến tranh cục bộ” (1965 - 1968).

- Chiến lược “Việt Nam hoá chiến tranh” (1969 -  1975).

 Với những thắng lợi đó, miền Nam đã xứng đáng với danh hiệu “Thành đồng Tổ quốc”, sát cánh cùng đồng bào miền Bắc đánh bại mọi âm mưu, chiến lược của đế quốc Mỹ, góp phần trực tiếp giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.  
  
Trải qua 21 năm dưới sự lãnh đạo của Đảng, Nhân dân cả nước đã chiến đấu kiên cường anh dũng với sự đồng tình ủng hộ của bạn bè quốc tế; bằng cuộc Tổng tiến công nổi dậy mùa xuân 1975, với chiến dịch Hồ Chí Minh lịch sử, Nhân dân ta đã kết thúc cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. “Năm tháng sẽ trôi qua, nhưng thắng lợi của Nhân dân ta trong sự nghiệp đánh Mỹ cứu nước sẽ mãi mãi được ghi vào lịch sử dân tộc ta như một trong những trang chói lọi nhất, một biểu tượng sáng ngời về sự toàn thắng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng và trí tuệ con người, đi vào lịch sử thế giới như một chiến công vĩ đại của thế kỷ XX, một sự kiện có tầm quan trọng quốc tế to lớn và có tính thời đại sâu sắc”.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đã kết thúc vẻ vang 30 năm chiến tranh giải phóng dân tộc, bảo vệ Tổ quốc; hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ trong cả nước, mở ra thời kỳ mới - thời kỳ độc lập, thống nhất, cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

**2.2. Đảng lãnh đạo công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa từ năm 1975 đến nay**

**2.2.1. Chủ trương và sự lãnh đạo của Đảng trong những năm đầu xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước (1975 - 1986)**

 Ngay sau khi giải phóng miền Nam, mặc dù Nhân dân đã làm chủ toàn bộ đất nước, nhưng về mặt nhà nước thì vẫn còn hai Chính phủ, hai tổ chức mặt trận và các đoàn thể quần chúng ở hai miền Nam - Bắc. Đáp ứng nguyện vọng tha thiết của Nhân dân cả nước, đáp ứng quy luật khách quan của cách mạng và lịch sử dân tộc Việt Nam, Đảng đã lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ thống nhất đất nước về mặt nhà nước.

Ngày 25-4-1976, cử tri cả nước bỏ phiếu (bầu Quốc hội chung của cả nước với 492 đại biểu đủ các thành phần (Quốc hội khoá VI). Ngay sau đó, các tổ chức đoàn thể cách mạng cũng nhanh chóng được thống nhất.

Từ ngày 14 đến ngày 20-12-1976, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IV của Đảng đã được tiến hành tại Thủ đô Hà Nội. Đại hội đã xác định đường lối chung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên phạm vi cả nước trong giai đoạn mới và đường lối xây dựng kinh tế - xã hội. Đại hội đã bổ sung Điều lệ Đảng và đổi tên Đảng Lao động Việt Nam thành Đảng Cộng sản Việt Nam.

Thực hiện Nghị quyết Đại hội IV, Đảng đã lãnh đạo Nhân dân cả nước thực hiện kế hoạch Nhà nước 5 năm (1976 - 1980) và tiến hành cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ của Tổ quốc ở biên giới Tây Nam và biên giới phía Bắc.

Từ ngày 27 đến ngày 31-3-1982, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ V của Đảng đã xác định hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng nước ta là: xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và sẵn sàng chiến đấu bảo vệ vững chắc Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đại hội đã chỉ ra chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ bao gồm 5 năm 1981-1985 và kéo dài đến năm 1990; đồng thời, chỉ ra những nhiệm vụ bức thiết trước mắt về kinh tế - xã hội của đất nước.

Thực hiện đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của Đảng, Nhân dân cả nước đã hăng hái tham gia khôi phục kinh tế, khắc phục hậu quả chiến tranh, ổn định sản xuất và đời sống. Đồng thời, tập trung thực hiện nhiệm vụ quốc phòng - an ninh, bảo vệ vững chắc biên cương của Tổ quốc, giữ gìn an ninh chính trị và trật tự - an toàn xã hội.

Tuy nhiên, những thành tựu về kinh tế - xã hội đạt được trong hơn 10 năm xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước (1975 - 1986) còn thấp so với yêu cầu đặt ra và so với tiềm năng của đất nước; nền kinh tế mất cân đối nghiêm trọng, phân phối lưu thông rối ren, lạm phát “phi mã”, tỷ lệ thất nghiệp ở mức cao, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn. Đất nước rơi vào khủng hoảng kinh tế - xã hội trầm trọng; niềm tin của Nhân dân đối với sự lãnh đạo của Đảng giảm sút.

Trước những khó khăn, thách thức đó, các địa phương, cơ sở và các tầng lớp nhân dân đã có những tìm tòi, đổi mới cách nghĩ, cách làm. Đồng thời, trên cơ sở nghiên cứu lý luận và tổng kết thực tiễn, Trung ương Đảng đã có những bước đổi mới từng phần nhằm giải đáp những vấn đề thực tiễn đang đặt ra.

**2.2.2. Đường lối đổi mới và quá trình thực hiện đường lối đổi mới của Đảng từ năm 1986 đến nay**

- Với tinh thần nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá đúng sự thật và nói rõ sự thật, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (tháng 12-1986) đã nghiêm khắc kiểm điểm, khẳng định những thành tựu đã đạt được, đồng thời chỉ ra những yếu kém trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta, từ đó phân tích những sai lầm, khuyết điểm, đặc biệt là khuyết điểm chủ quan, duy ý chí trong lãnh đạo phát triển kinh tế. Với tinh thần trách nhiệm vì nước, vì dân, Đại hội đã đề ra đường lối đổi mới toàn diện về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội và đối ngoại, mở ra bước ngoặt trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Trong đó, để nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng, Đại hội chỉ rõ Đảng phải đổi mới về nhiều mặt: đổi mới tư duy, trước hết là tư duy kinh tế; đổi mới tổ chức; đổi mới đội ngũ cán bộ; đổi mới phong cách lãnh đạo và công tác.

Đại hội VI của Đảng có ý nghĩa lịch sử quan trọng, thể hiện bước trưởng thành mới của Đảng, “đánh dấu bước chuyển quan trọng trong quá trình kế thừa và đổi mới sự lãnh đạo của Đảng về chính trị, tư tưởng và tổ chức. Thành công của Đại hội là sức mạnh mới, là cơ sở hết sức quan trọng để tăng cường hơn nữa sự đoàn kết, thống nhất trong toàn Đảng và toàn dân ta”.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (tháng 6-1991) diễn ra trong bối cảnh quốc tế và trong nước có những diễn biến phức tạp, khó lường tác động sâu sắc đến công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của nước ta: các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu và Liên Xô lâm vào khủng hoảng toàn diện; các thế lực thù địch ra sức chống phá quyết liệt từ nhiều phí nhằm xoá bỏ chủ nghĩa xã hội hiện thực; Việt Nam sau 05 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VI đã có những bước khởi sắc, tuy nhiên chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội…

Đại hội VII của Đảng xác định: “mục tiêu tổng quát của 05 năm tới vượt qua khó khăn thử thách, ổn định và phát triển kinh tế - xã hội, tăng cường ổn định chính trị, đẩy lùi tiêu cực và bất công xã hội, đưa nước ta cơ bản thoát ra khỏi tình trạng khủng hoảng hiện nay”[[1]](file:///D:\CLOUD\gdrive\BAN%20TUY%C3%8AN%20GI%C3%81O\H%E1%BB%8CC%20L%C3%9D%20L%C3%9D%20LU%E1%BA%ACN%20CH%C3%8DNH%20TR%E1%BB%8A\B%E1%BA%A2N%20CU%E1%BB%90I\3.%20Sach%20cac%20BH%20LL%20CH%C3%8DNH%20TR%E1%BB%8A%20CHO%20%C4%90V%20(A%20L%C6%B0%C6%A1ng%20duyet,%20chuyen%20nha%20in%2012.3).doc#_ftn1).

Đặc biệt, Đại hội đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (gọi tắt là Cương lĩnh năm 1991), Chiến lược ổn định và phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 và Nhiệm vụ kinh tế - xã hội 5 năm 1991-1995. Đại hội đưa ra quan niệm tổng quát về xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam, phương hướng cơ bản để xây dựng xã hội đó; khẳng định chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng; khẳng định phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.  
  
- Sau 10 năm thực hiện đường lối đổi mới toàn diện và 5 năm thực hiện Nghị quyết Đại hội VII của Đảng, đất nước đã vượt qua một giai đoạn thử thách gay go, nhất là sự khủng hoảng của hệ thống xã hội chủ nghĩa những năm 1989 - 1991. Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng (từ ngày 22-6 đến ngày 01-7-1996) đã nhận định: công cuộc đổi mới đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, nhưng một số mặt còn chưa vững chắc. Đại hội quyết định chuyển đất nước sang thời kỳ mới: thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng đã khẳng định: “tiếp tục sự nghiệp đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội” và đề ra nhiệm vụ kinh tế - xã hội từ năm 1996 đến năm 2000.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng (tháng 4-2001) đã kiểm điểm việc thực hiện Nghị quyết Đại hội VIII và khẳng định, trong 5 năm 1996  - 2000, toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta đã vượt qua những khó khăn, thách thức, đạt được những thành tựu quan trọng. Tổng kết 15 năm đổi mới, Đại hội đã khẳng định: thực tiễn phong phú và những thành tựu thu được qua 15 năm đổi mới đã chứng minh tính đúng đắn của Đảng, đồng thời giúp chúng ta nhận thức càng rõ hơn về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta. Đảng và Nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh.

Đại hội thông qua Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010, đề ra mục tiêu sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại.

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X của Đảng (tháng 4-2006) đã bổ sung, phát triển nhiều vấn đề về lý luận chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, đặt ra nhiệm vụ tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 - 2010. Với chủ đề: “Nâng cao năng lực và sức chiến đấu của Đảng, phát huy sức mạnh toàn dân tộc, đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới, sớm đưa nước ta ra khỏi tình trạng kém phát triển”, Đại hội X của Đảng đã đánh dấu bước phát triển về đường lối, chính sách, về tổ chức và nhân sự đáp ứng yêu cầu của đất nước trong xu thế hội nhập thế giới.

- Đại hội XI của Đảng (tháng 01-2011) đã tiến hành tổng kết 20 năm thực hiện Cương lĩnh năm 1991, 10 năm thực hiện Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2001 -  2010 và nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2006 - 2011 theo Nghị quyết Đại hội X. Đặc biệt, một trong những đóng góp quan trọng có ý nghĩa lịch sử của Đại hội XI là đã thông qua Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển năm 2011).

Trên cơ sở kế thừa những nội dung cơ bản của Cương lĩnh năm 1991, Cương lĩnh bổ sung, phát triển năm 2011 đã có nhiều điểm mới như: bổ sung thành tựu của cách mạng Việt Nam sau 20 năm thực hiện Cương lĩnh 1991, bổ sung thêm 02 đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Nhân dân Việt Nam đang xây dựng; đồng thời, có sự điều chỉnh trong hầu hết các đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa…

- Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng (tháng 01-2016) đã tiến hành tổng kết 30 năm đổi mới, khẳng định: “Ba mươi năm đổi mới là một giai đoạn lịch sử quan trọng trong sự nghiệp phát triển của nước ta, đánh dấu sự trưởng thành về mọi mặt của Đảng, Nhà nước và Nhân dân ta. Đổi mới mang tầm vóc và ý nghĩa cách mạng là quá trình cải biến sâu sắc và toàn diện, triệt để, là sự nghiệp cách mạng to lớn của toàn đảng, toàn dân và toàn quân vì mục tiêu “dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”.

Nhìn tổng thể, qua 30 năm đổi mới, đất nước ta đã đạt được những thành ựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đồng thời cũng còn nhiều vấn đề lớn phức tạp, nhiều hạn chế, yếu kém cần phải tập trung giải quyết khắc phục để đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Đất nước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội và tình trạng kém phát triển, trở thành nước đang phát triển có thu nhập trung bình, đang đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế. Kinh tế tăng trưởng khá, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa từng bước hình thành và phát triển. Chính trị - xã hội ổn định; quốc phòng - an ninh được tăng cường. Văn hóa - xã hội có bước phát triển; bộ mặt đất nước và đời sống Nhân dân có nhiều thay đổi. Dân chủ xã hội chủ nghĩa được phát huy và ngày càng mở rộng. Đại đoàn kết toàn dân tộc được củng cố và tăng cường. Công tác xây dựng Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền và cả hệ thống chính trị được đẩy mạnh.

Sức mạnh về mọi mặt của đất nước được nâng lên; kiên quyết, kiên trì đấu tranh bảo vệ độc lập dân tộc, chủ quyền, thống nhất toàn vẹn lãnh thổ và chế độ xã hội chủ nghĩa. Quan hệ dối ngoại ngày càng mở rộng và đi vào chiều sâu, vị thế và uy tín của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng cao.

Những thành tựu đó tạo tiền đề, nền tảng quan trọng để nước ta tiếp tục đổi mới và phát triển mạnh mẽ trong những năm tới; khẳng định đường lối đổi mới của Đảng là đúng đắn, sáng tạo; con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của nước ta là phù hợp với thực tiễn của Việt Nam và xu thế phát triển của lịch sử.

Tuy nhiên, bên cạnh những thành tựu đạt được, Đại hội XII cũng cho rằng chúng ta còn nhiều hạn chế, khuyết điểm:

Công tác tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận còn bất cập, chưa làm rõ được một số vấn đề đặt ra trong quá trình đổi mới để định hướng trong thực tiễn, cung cấp cơ sở khoa học cho hoạch định đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước. Lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội còn một số vấn đề cần phải qua tổng kết thực tiễn, nghiên cứu lý luận để tiếp tục làm rõ.

Kinh tế phát triển chưa bền vững, chưa tương xứng với tiềm năng, yêu cầu và thực tế nguồn lực được huy động. Trong 10 năm gần đây, kinh tế vĩ mô thiếu ổn định, tốc độ tăng trưởng kinh tế suy giảm, phục hồi chậm. Chất lượng hiệu quả, năng suất lao động xã hội và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế còn thấp. Phát triển thiếu bền vững cả về kinh tế, văn hóa, xã hội và môi trường. Nhiều vấn đề bức xúc nảy sinh nhất là các vấn đề xã hội và quản lý xã hội chưa được nhận thức đầy đủ và giải quyết có hiệu quả; còn tiềm ẩn những nhân tố và nguy cơ mất ổn định xã hội. Trên một số mặt, một số lĩnh vực, một bộ phận Nhân dân chưa được thụ hưởng đầy đủ, công bằng thành quả của công cuộc đổi mới. Đổi mới chính trị chưa động bộ với đổi mới kinh tế; năng lực và hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị chưa ngang tầm nhiệm vụ.

Việc tạo nền tảng để cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại không đạt được mục tiêu đề ra.

Bốn nguy cơ được Đảng chỉ ra tại Hội nghị đại biểu giữa nhiệm kỳ khoá VII (tháng 01-1994) là: tụt hậu xa hơn về kinh tế, chệch hướng xã hội chủ nghĩa, “diễn biến hòa bình” và tham ô, tham nhũng vẫn tồn tại và diễn biến phức tạp, các thế lực thù địch với những thủ đoạn mới nhất, nhất là triệt để sử dụng các phương tiện truyền thông trên mạng để chống phá ta và những biểu hiện “tự diễn biến, tự chuyển hóa” trong nội bộ. Niềm tin của cán bộ, đảng viên và Nhân dân vào Đảng, chế độ có mặt bị giảm sút.

Những hạn chế khuyết điểm trên đây đòi hỏi toàn Đảng, toàn dân, toàn quân ta phải nỗ lực phấn đấu, không ngừng để khắc phục, tiếp tục đưa đất nước ta phát triển nhanh, bền vững theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Như vậy, từ năm 1930 đến nay, Đảng Cộng sản Việt Nam do Chủ tịch Hồ Chí Minh sáng lập và rèn luyện, đã lãnh đạo Nhân dân tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng lâu dài, gian khổ, vượt qua muôn vàn khó khăn, thử thách và giành được những thắng lợi vĩ đại: thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945, đập tan ách thống trị của thực dân, phong kiến, lập nên nước Việt Nam Dân chủ cộng hoà, đưa dân tộc ta tiến vào kỷ nguyên độc lập tự do; thắng lợi của cuộc kháng chiến chống xâm lược mà đỉnh cao là chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ năm 1954, đại thắng mùa xuân năm 1975, giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước, bảo vệ Tổ quốc, làm tròn nghĩa vụ quốc tế; thắng lợi của công cuộc đổi mới, tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá và hội nhập quốc tế, tiếp tục đưa đất nước từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội với nhận thức và tư duy mới, đúng đắn, phù hợp thực tiễn Việt Nam”.

Với những thắng lợi đã giành được từ khi Đảng ra đời, Việt Nam từ một xứ thuộc địa nửa phong kiến đã trở thành một quốc gia độc lập, tự do, chủ quyền đất nước được củng cố vững chắc, phát triển theo con đường xã hội chủ nghĩa; Nhân dân ta từ thân phận nô lệ đã trở thành người làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, ngày càng ấm no, hạnh phúc, văn minh; đất nước ta đã vươn lên trở thành nước đang phát triển, vị thế và uy tín của đất nước ngày càng được nâng cao trên trường quốc tế. Với những thành tựu to lớn đã đạt được, có thể khẳng định rằng, đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín như ngày nay.

**III. ĐỔI MỚI TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ  
3.1. Yêu cầu đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị**

Thứ nhất, xuất phát từ bối cảnh của xã hội hiện đại đã làm thay đổi cấu trúc quyền lực giữa các chủ thể trong đời sống chính trị - xã hội trong phạm vi quốc gia, khu vực và quốc tế. Theo đó, các chủ thể có các khả năng và nguồn lực riêng trong việc tạo dựng quyền lực, dẫn tới sự tham gia, tác động đến nhiều hoạt động chính trị và buộc các hệ thống chính trị phải thay đổi cách thức tổ chức và hoạt động của mình để có thể thích ứng và đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả. Chẳng hạn, việc tổ chức và thực thi quyền lực đang có xu hướng giảm dần tính thứ bậc, tầng nấc trung gian để tăng hiệu lực và hiệu quả, xu hướng dùng quyền lực trí tuệ, quyền lực thông minh cũng chiếm ưu thế hơn so với dùng sức mạnh bạo lực, cưỡng chế. Cách thức tổ chức và phương thức thực thi quyền lực thay đổi, dẫn tới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị cũng phải thay đổi một cách tương thích.  
  
Thứ hai, đổi mới hệ thống chính trị là yêu cầu khách quan nhằm khắc phục những yếu kém tồn tại trong hệ thống chính trị Việt Nam hiện nay. Thực tiễn hoạt động của hệ thống chính trị đã bộc lộ những hạn chế của nó: “Tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị vẫn còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, nhiều đầu mối; hiệu lực, hiệu quả hoạt động chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ. Chức năng, quyền hạn, tổ chức bộ máy, mối quan hệ của một số cơ quan, tổ chức chưa thật rõ, còn chồng chéo, trùng lắp. Việc phân công, phân cấp, phân quyền giữa các ngành, các cấp và trong từng cơ quan, tổ chức chưa hợp lý, mạnh mẽ và đồng bộ, còn tình trạng bao biện, làm thay hoặc bỏ sót nhiệm vụ... Tổ chức bộ máy, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội chậm đổi mới…”[[1]](file:///D:\CLOUD\gdrive\BAN%20TUY%C3%8AN%20GI%C3%81O\H%E1%BB%8CC%20L%C3%9D%20L%C3%9D%20LU%E1%BA%ACN%20CH%C3%8DNH%20TR%E1%BB%8A\B%E1%BA%A2N%20CU%E1%BB%90I\3.%20Sach%20cac%20BH%20LL%20CH%C3%8DNH%20TR%E1%BB%8A%20CHO%20%C4%90V%20(A%20L%C6%B0%C6%A1ng%20duyet,%20chuyen%20nha%20in%2012.3).doc#_ftn1).

Thứ ba, xuất phát từ sự chủ động trong lãnh đạo của Đảng đối với xây dựng và hoàn thiện hệ thống chính trị Việt Nam. Nhận thức được những hạn chế trong tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị ở mỗi thời kỳ, các nghị quyết đại hội Đảng đều xác định nhiệm vụ quan trọng là đổi mới hệ thống chính trị, xây dựng, chỉnh đốn Đảng, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, thực hiện cải cách nền hành chính và gần đây nhất, Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6 khóa XII  đã tập trung vào việc sắp xếp lại tổ chức bộ máy hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

**3.2. Nguyên tắc, nhiệm vụ và giải pháp cơ bản**

**3.2.1. Nguyên tắc đổi mới hệ thống chính trị**

- Đổi mới hệ thống chính trị phải bảo đảm ổn định chính trị, phát triển kinh tế - xã hội bền vững. Đây là nguyên tắc quan trọng nhất để từng bước đổi mới vững chắc, tránh sự nóng vội, chủ quan và có thể sai lầm về mặt chính trị. Do vậy, đổi mới hệ thống chính trị phải được tiến hành một cách đồng bộ, thống nhất, nhưng cũng phải có lộ trình, bước đi phù hợp.

- Đổi mới hệ thống chính trị phải đảm bảo nâng cao hiệu lực lãnh đạo của Đảng đối với hệ thống chính trị. Sự lãnh đạo của Đảng đối với nhà nước và xã hội là một nguyên tắc hiến định và trong hệ thống chính trị một đảng thì vấn đề không nằm ở việc tăng cường sự lãnh đạo mà quan trọng là làm thế nào để tăng hiệu lực lãnh đạo.  
  
 - Đổi mới hệ thống chính trị không làm thay đổi bản chất của chế độ mà là làm cho hệ thống chính trị ngày càng được tổ chức hợp lý, hoạt động hiệu lực, hiệu quả hơn, đáp ứng được những yêu cầu đòi hỏi của Nhân dân, xã hội và sự phát triển của đất nước trong điều kiện hội nhập khu vực, quốc tế và sự phát triển của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.

**3.2.2. Nhiệm vụ và giải pháp đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị trong giai đoạn hiện nay**

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh nhiệm vụ: “tiếp tục thể chế hóa, cụ thể hóa mối quan hệ “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”, nhất là nội dung Nhân dân làm chủ và phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra”[[2]](file:///D:\\CLOUD\\gdrive\\BAN%20TUY%C3%8AN%20GI%C3%81O\\H%E1%BB%8CC%20L%C3%9D%20L%C3%9D%20LU%E1%BA%ACN%20CH%C3%8DNH%20TR%E1%BB%8A\\B%E1%BA%A2N%20CU%E1%BB%90I\\3.%20Sach%20cac%20BH%20LL%20CH%C3%8DNH%20TR%E1%BB%8A%20CHO%20%C4%90V%20(A%20L%C6%B0%C6%A1ng%20duyet,%20chuyen%20nha%20in%2012.3).doc" \l "_ftn2" \o ").

Nghị quyết Hội nghị Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ sáu khóa XII về một số vấn đề về tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả đã đề ra nhiệm vụ và giải pháp đổi mới hệ thống chính trị[[3]](file:///D:\\CLOUD\\gdrive\\BAN%20TUY%C3%8AN%20GI%C3%81O\\H%E1%BB%8CC%20L%C3%9D%20L%C3%9D%20LU%E1%BA%ACN%20CH%C3%8DNH%20TR%E1%BB%8A\\B%E1%BA%A2N%20CU%E1%BB%90I\\3.%20Sach%20cac%20BH%20LL%20CH%C3%8DNH%20TR%E1%BB%8A%20CHO%20%C4%90V%20(A%20L%C6%B0%C6%A1ng%20duyet,%20chuyen%20nha%20in%2012.3).doc" \l "_ftn3" \o "). Trong thời gian tới cần tập trung vào những giải pháp chủ yếu sau:  
  
- Nghiên cứu, hoàn thiện mô hình tổ chức tổng thể của hệ thống chính trị phù hợp với yêu cầu xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và chủ động, tích cực hội nhập quốc tế.

- Tiếp tục rà soát, bổ sung, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Trên cơ sở đó rà soát lại hệ thống tổ chức hiện có để nhận diện và khắc phục sự chồng chéo về chức năng, nhiệm vụ giữa các tổ chức này, đồng thời sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy định của Đảng, Nhà nước về tổ chức bộ máy hệ thống chính trị, tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả.

- Thực hiện phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Trung ương và địa phương, giữa cấp trên và cấp dưới, gắn quyền hạn với trách nhiệm; đồng thời, xây dựng cơ chế kiểm soát quyền lực chặt chẽ bằng các quy định của Đảng, pháp luật của Nhà nước, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, đề cao trách nhiệm giải trình và tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

 - Đảng thống nhất lãnh đạo xây dựng và quản lý tổ chức bộ máy, biên chế của toàn hệ thống chính trị. Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện kiểm tra, thanh tra, giám sát việc chấp hành các quy định về sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trong hệ thống chính trị. Kiên quyết thực hiện các biện pháp nhằm loại bỏ các tổ chức, các cấp trung gian, trùng lắp chức năng, tinh giản biên chế.

Ngoài các giải pháp cho toàn hệ thống ở trên, cần thực hiện một số giải pháp riêng cho các tổ chức của hệ thống:Đối với Đảng:

Thứ nhất, kiện toàn và nâng cao chất lượng các cơ quan tham mưu và các tổ chức Đảng ở trung ương theo hướng làm tăng hàm lượng trí tuệ cho các chủ trương, định hướng chính sách lớn của Đảng trong bối cảnh hiện nay.

Thứ hai, tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội theo hướng phát huy tính tự chủ, chủ động, tích cực của các tổ chức này trong thực thi chức năng của mình.

Thứ ba, xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, nhất là đối với cán bộ cấp chiến lược đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế tri thức, khoa học công nghệ và hội nhập quốc tế. Đồng thời kiên quyết đấu tranh ngăn chặn, đẩy lùi tình trạng suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống của cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ lãnh đạo, quản lý, làm trong sạch đội ngũ của Đảng, củng cố niềm tin của dân đối với Đảng.

Đối với Nhà nước:

Tiếp tục xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, xây dựng cơ chế “kiểm soát” giữa các cơ quan trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp, xây dựng và hoàn thiện cơ chế bảo hiến.

Quốc hội cần phải nâng cao chất lượng hoạt động, nhất là trong hoạt động lập pháp để đẩy nhanh việc xây dựng hệ thống pháp luật đáp ứng được yêu cầu quản lý nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và yêu cầu của xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Do vậy, cần phải tăng số đại biểu chuyên trách, giảm số lượng đại biểu kiêm nhiệm công tác ở các cơ quan hành pháp.  
  
Chính phủ, cần phải đổi mới theo hướng xây dựng một Chính phủ hiện đại, chuyên nghiệp, hiệu quả. Theo đó, Chính phủ, các bộ, ngành tiếp tục thực hiện đổi mới, kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy theo hướng tập trung vào quản lý vĩ mô, xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, luật pháp, cơ chế, chính sách; nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành và hiệu quả tổ chức thực hiện; tăng cường công tác kiểm tra, thanh tra việc chấp hành.

Rà soát nhiệm vụ, quyền hạn để phân cấp, phân quyền mạnh mẽ, hợp lý giữa Chính phủ với các bộ, ngành; giữa Chính phủ, các bộ, ngành với chính quyền địa phương để góp phần tinh gọn bộ máy, tinh giản biên chế, nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động; phát huy tính chủ động, sáng tạo, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành gắn với cơ chế kiểm soát quyền lực.

Tiếp tục cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính, kiện toàn tổ chức, giảm đầu mối, bỏ cấp trung gian, tinh giản biên chế của các bộ, ngành, cơ quan thuộc Chính phủ, bảo đảm dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp, phục vụ nhân dân. Đẩy mạnh và kiên quyết thực hiện tách chức năng quản lý nhà nước ra khỏi chức năng kinh doanh. Định rõ quyền và trách nhiệm của những người đứng đầu các cơ quan trực thuộc chính phủ và chính quyền địa phương.  
  
Đối với hệ thống Tòa án và Viện Kiểm sát: Tòa án phải được đảm bảo xét xử độc lập. Xét xử độc lập của tòa án là nguyên tắc hiến định, nhưng nếu trong thực tế không tạo ra các điều kiện đảm bảo thì các thẩm phán vẫn có khả năng bị chi phối, ảnh hưởng bởi các quyền lực mạnh và lợi ích lớn trong xã hội. Tiếp tục thực hiện xây dựng tòa án khu vực và dần tách tòa án khỏi hệ thống hành chính nhà nước. Nâng cao chất lượng tranh tụng tại tòa bằng việc xây dựng và chuẩn hóa đội ngũ luật sư, hiệp hội luật sư. Sắp xếp, đổi mới Viện Kiểm sát theo hướng tập trung vào thực hiện chức năng điều tra, công tố.

Đối với chính quyền địa phương:

Tiếp tục sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế xây dựng chính quyền địa phương. Rà soát, bổ sung, hoàn thiện Luật Tổ chức chính quyền địa phương, quy định rõ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của chính quyền cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; quy định rõ cơ chế phân cấp, uỷ quyền và thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khi được phân cấp, ủy quyền giữa các cấp chính quyền địa phương.  
  
Nghiên cứu, thực hiện giảm hợp lý số lượng đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp và giảm đại biểu Hội đồng nhân dân công tác ở các cơ quan quản lý nhà nước; giảm số lượng phó chủ tịch Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện. Quy định khung số lượng các cơ quan trực thuộc Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và khung số lượng cấp phó của các cơ quan này.

Rà soát, sắp xếp tổ chức bên trong của các sở, ngành theo hướng tinh gọn đầu mối. Đẩy mạnh cải cách hành chính, nhất là cải cách thủ tục hành chính theo hướng dân chủ, công khai, minh bạch, chuyên nghiệp; tổ chức thực hiện có hiệu quả mô hình trung tâm phục vụ hành chính công, cơ chế một cửa, một cửa liên thông ở các cấp.

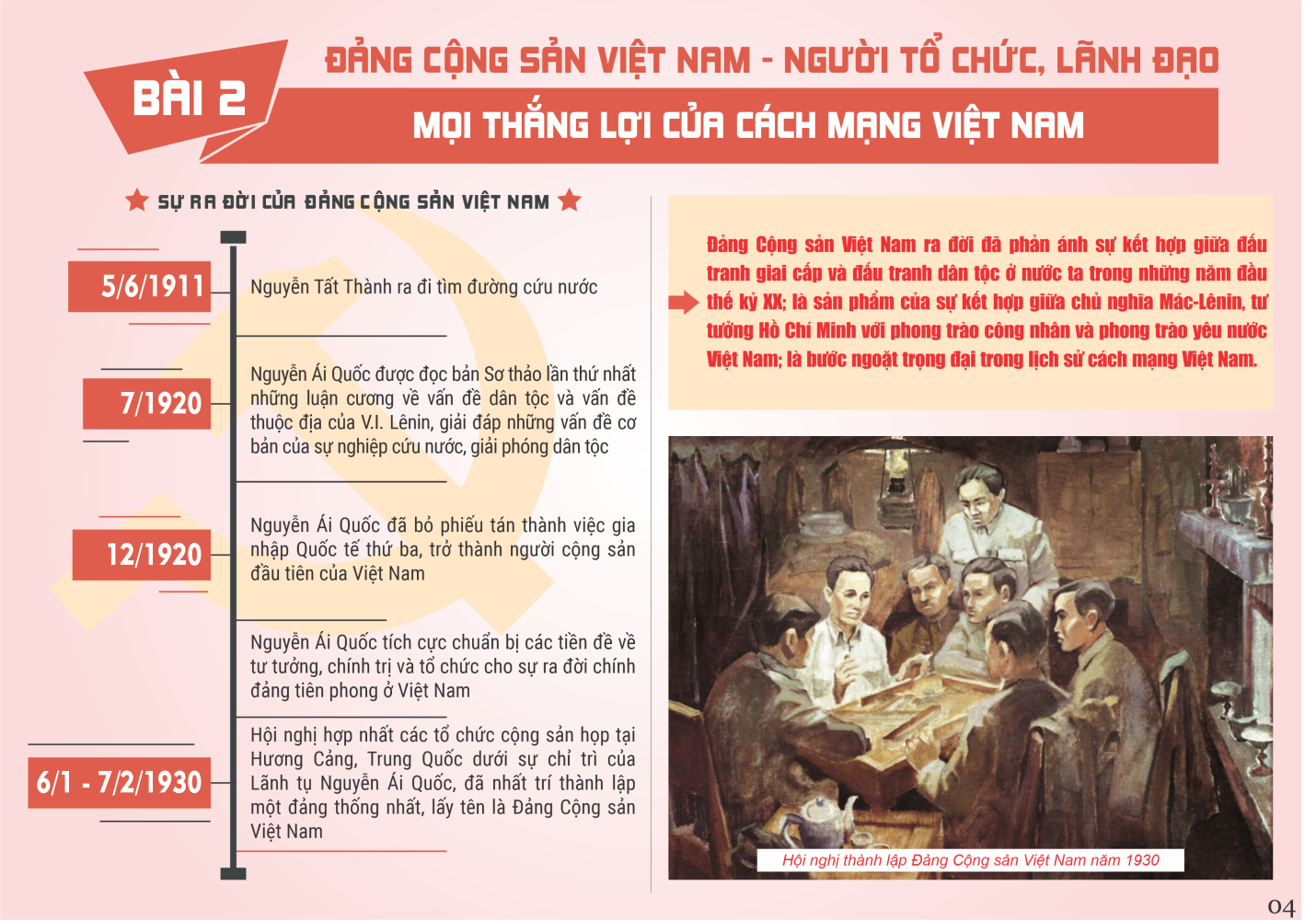
Đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội:

Kiện toàn tổ chức bộ máy của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ trong mỗi tổ chức, chú trọng ở hai cấp trung ương và cơ sở; khắc phục tình trạng “hành chính hoá” trong tổ chức bộ máy, giảm bớt những cấp, vị trí trung gian, tạo cho bộ máy tổ chức gọn nhẹ, năng động, thiết thực.

 Đổi mới nội dung và phương thức hoạt động của Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội theo hướng đảm bảo đúng tôn chỉ, mục đích, tập trung cho cơ sở; đại diện và bảo vệ một cách thiết thực quyền lợi chính đáng và hợp pháp của hội viên, đoàn viên, tích cực tham gia xây dựng Ðảng, chính quyền và quản lý xã hội.

Để Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội có sự độc lập nhất định trong tổ chức và hoạt động, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội phải nỗ lực, chủ động trong việc huy động nguồn lực của tổ chức, dần tự chủ về kinh phí. Trong khi đó sự hỗ trợ kinh phí hoạt động từ Nhà nước nên được bàn thảo và và quyết định trước theo các nhu cầu công việc và điều kiện hoạt động, vừa đảm bảo sự độc lập, chủ động của các tổ chức vừa nâng cao được hiệu quả sử dụng.

Để nâng cao tính hiệu quả của việc giám sát, phản biện đường lối, chính sách của Đảng và Nhà nước: một mặt, Đảng, Nhà nước cần cụ thể hoá cơ chế tư vấn, giám sát, phản biện của Mặt trận và các tổ chức chính trị xã hội, mặt khác, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội cũng cần được tổ chức và thay đổi cách thức giám sát, phản biện. Hoạt động giám sát được thực hiện theo đúng tính chất là ai ở đâu, làm gì thì giám sát và phản biện cái đó. Việc giám sát và phản biện được thực hiện xuất phát từ chính lợi ích, lĩnh vực hoạt động của các cá nhân, tổ chức, hiệp hội và do vậy cũng có tính chuyên môn. Mặt trận sẽ đóng vai trò tiếp nhận sự phản hồi, giám sát của các tổ chức thành viên, kết nối tạo mạng lưới hỗ trợ hoặc huy động nguồn lực, kết nối với Đảng và Nhà nước trong việc phản ánh, đề xuất, kiến nghị, tư vấn về các vấn đề giám sát và phản biện.

**INFOGRAPHIC BÀI 2:**

